

Bản án số: 46/2021/DS-PT
Ngày 24 tháng 3 năm 2021
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Bà Nguyễn Thị Phương Hạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2030/TLPT-DS ngày 04
tháng 2 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019
của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã bị đơn kháng cáo và bị Viện trưởng
VKS tỉnh Phú Thọ kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2336/2021/QĐ-PT ngày 09-3-2021
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1960; Trú tại: Thôn 17, xã
Bằng L, huyện Đoan H1, tỉnh Phú Thọ. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1946; Trú tại: Thôn 17, xã Bằng L,
huyện Đoan H1, tỉnh Phú Thọ. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị Thu H3, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn 17, xã Bằng L,
huyện Đoan H1, tỉnh Phú Thọ; có anh Trần Văn L1 là người đại diện theo ủy
quyền, có mặt tại phiên tòa.

3.2. UBND huyện Đoan H1, tỉnh Phú Thọ: Người đại diện theo ủy quyền
có ông Nguyễn Hùng L3 – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện
Đoan H1. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3 UBND xã Bằng L, huyện Đoan H1: Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tiến C: Chủ tịch UBND xã, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2016, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Trần Minh H và bà Vũ Thị Thu H3 (vợ ông Hoạt) trình bày: Năm 1979 gia đình ông bà được Hợp tác xã Nông nghiệp xã Bằng L, huyện Đoan H1, tỉnh Phú Thọ giao cho ông sử dụng 9.820 m² đất lâm nghiệp, trên đất có hơn 150 cây cọ đã trên 100 tuổi tại Xứ Gò Núi Ô thuộc thôn 17 xã Bằng L, huyện Đoan H1. Sau khi Hợp tác xã Nông nghiệp xã Bằng L giải thể vào năm 1993 thì Ủy ban nhân dân xã Bằng L tiếp quản và tiếp tục giao lại cho ông diện tích đất nêu trên thể hiện tại Sổ thuế nông nghiệp gia đình. Ông đã sử dụng diện tích đất này từ năm 1979 cho đến nay để khai thác lá cọ và ông vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp (tính thành lúa) cho Ủy ban nhân dân xã Bằng L. Đến năm 2004 thì ông không phải nộp thuế nữa vì do thay đổi chính sách miễn nộp thuế của Nhà nước đối với đất nông, lâm nghiệp. Trong quá trình sử dụng đất do diện tích đất lâm nghiệp của ông nằm liền kề với diện tích đất lâm nghiệp của bà H2 nên bà H2 có sử dụng một phần diện tích đất của ông để trồng cây sắn và cây chè. Việc làm của bà H2 thì ông không đồng ý nên đã nhiều lần xảy ra tranh chấp. Bà H2 trồng cây sắn, trồng chè và đến năm 2016 thì bà H2 lại trồng cây keo trên diện tích đất 1609m², làm ảnh hưởng đến sự phát triển, tồn tại của cây cọ, người nhà bà H2 còn đục thân cây cọ làm chết 4 cây cọ. Vì vậy, mà ông H khởi kiện để đòi lại diện tích đất nêu trên.

Ngày 26/10/2016, ông H viết đơn đề nghị Tòa xem xét thẩm định tại chỗ và nộp tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 13.000.000 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Hà T để yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Hà T đo diện tích đất tranh chấp.

Nay, ông H yêu cầu bà H2 phải nhổ bỏ cây keo để trả lại đất cho ông và phải hoàn trả cho ông số tiền ông đã nộp tạm ứng để xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 1050 đồng x 11.592m² đất = 12.171.600 đồng. Khoản tiền còn lại ông H không yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Hà T HP phải trả lại cho ông. Ông đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H2 với diện tích là 5.000m².

Bị đơn bà Bùi Thị H2 trình bày: Diện tích đất 1609m² mà ông H khởi kiện là diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà, diện tích đất này đã được UBND huyện Đoan H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Bùi Thị H2 ngày 30/12/1996 với tổng diện tích là 5.000m². Diện tích đất 1609m² thì bà đã sử dụng từ năm 1980 cho đến nay, ban đầu thì bà trồng cây sắn và cây chè, còn ông H thì sử dụng vào việc khai thác cây lá cọ. Đến năm 2016 bà H2 trồng 200 cây keo thì mới xảy ra tranh chấp. Nay bà H2 cho rằng đây là diện tích đất của bà đã được Ủy ban nhân dân huyện Đoan H1 cấp GCNQSD đất nên bà không phải trả cho ông H và bà không đồng ý nhổ bỏ 200 cây keo.

Những người con của bà H2 là: Chị Lê Thị H4, Lê Thị H5, chị Lê Thị D, chị Lê Thị T1, anh Lê Sỹ T2 và anh Lê Ngọc T3 đều trình bày với nội dung

đúng như bà H2 đã nêu. Nay, những người con của bà H2 đều đề nghị diện tích đất 1609m² nêu trên là thuộc quyền sử dụng của bà H2 và đều không đề nghị hưởng lợi ích gì về diện tích đất cũng như tài sản trên đất hiện đang tranh chấp giữa ông H và bà H2, vì những người con bà H2 đều cho rằng họ không đóng góp gì vào diện tích đất của bà H2 nên không đòi hỏi gì về quyền lợi.

Các con của ông H cũng đã có đơn trình bày là họ đều không có quyền lợi gì đối với diện tích đất tranh chấp này, quyền lợi là của bố mẹ và họ đề nghị không đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ kiện này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/DS - ST ngày 30/3/2017 của TAND huyện Đoan H1 đã quyết định: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh H. Buộc bà Bùi Thị H2 phải trả cho ông Trần Minh H diện tích đất lâm nghiệp 1609m² trị giá 19.308.000 đồng (có mốc giới, sơ đồ kóm theo) tại thôn 17, xã Bằng L, huyện Đoan H1, tỉnh Phú Thọ.

- Bà Bùi Thị H2 có nghĩa vụ thu hoạch 250 cây keo 1 năm tuổi trên diện tích đất 1609m² kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông H có đơn đề nghị thi hành án, để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Trần Minh H.

Sau khi Tòa án huyện Đoan H1 xét xử sơ thẩm: Ngày 10/4/2017, anh Lê Ngọc T3 là đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị H2 có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số: 52/QĐ-KNPT ngày 27/4/2017 của VKSND tỉnh Phú Thọ với nội dung: Bà H2 là người cao tuổi, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và lại còn xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, nên đã đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 72/2017/DS-PT ngày 01/8/2017 của TAND tỉnh Phú Thọ đã xử: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01 ngày 30/3/2017 của TAND huyện Đoan H1 để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Sau đó, hồ sơ đã được chuyển lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để giải quyết theo thẩm quyền, vì có nội dung yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ bà Bùi Thị H2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thu thập thêm tài liệu chứng cứ. Ủy ban nhân dân xã Bằng L và Ủy ban nhân dân huyện Đoan H1 cũng đã cung cấp thêm tài liệu.

- Tại Quyết định số....QĐ-UB ngày 20/9/1995 Ủy ban nhân dân huyện Đoan H1 giao cho hộ bà Bùi Thị H2 diện tích 0,5 ha đất lâm nghiệp, tờ bản đồ số 11, lô số 30, thời hạn 50 năm, địa điểm tại gò Núi Ô, thôn 11, xã Bằng L, huyện Đoan H1 (đã được cấp Giấy CNQSD đất số 1 689851 ngày 30/12/1996).

- Tại Quyết định sốQĐ-UB ngày 20/9/1995 của Ủy ban nhân dân huyện Đoan H1 giao cho hộ ông Trần Văn Hoạt diện tích 1,98 ha đất lâm nghiệp, tờ bản đồ số 11, lô số 113, thời hạn 50 năm, địa điểm tại gò Vòng K, thôn 11, xã Bằng L, huyện Đoan H1, năm 1996 đã được cấp Giấy CNQSD đất (BL 93).

- Đối với diện tích đất tranh chấp là 1.609m² tại khu vực Hồ Ao, Núi Ô không trồng lán vào diện tích 5.000m² của gia đình bà H2 và diện tích tranh chấp này thì cả hộ bà H2 và hộ ông H đều chưa được cấp Giấy CNQSD đất. Việc cấp đất cho hộ bà H2 diện tích 0,5ha nêu trên là đúng trình tự, thủ tục. Nội dung ông H đề nghị hủy Giấy CNQSD đất nêu trên của hộ bà H2 là không có cơ sở (BL 71, 76, 77). Cả Ủy ban nhân dân xã Bằng L và Ủy BND huyện Đoan H1 đều xác định thời gian đã lâu không còn lưu giữ được hồ sơ đất đối với các hộ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

+ Áp dụng: Điều 192 và Điều 194 Bộ luật dân sự 2005; Điều 164 Bộ luật dân sự 2015; Điều 138 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2, 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 147; Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông H về đề nghị hủy Giấy CNQSD đất số I 689851 ngày 30/12/1996 của UBND huyện Đoan H1 cấp cho bà Bùi Thị H2 5.000m² đất lâm nghiệp.

+ Tạm giao cho ông Trần Minh H diện tích đất lâm nghiệp 1609m², có mốc giới: Phía Tây có các cạnh 35-45 = 10,66m, 45-44 = 30,19m (tiếp giáp đất lâm nghiệp bà H2); Phía Bắc có các cạnh 44-40 = 45,10m, 40-39 = 5,71m; Phía Đông có các cạnh 39-38 = 15,18m (tiếp giáp thửa đất ông Hoạt); Phía Nam có các cạnh 38-37 = 19,97m, 37-36 = 27,66m, 36-35 = 25,33m tiếp giáp đất ông Hoạt (có sơ đồ kèm theo).

+ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Bùi Thị H2 có nghĩa vụ thu hoạch toàn bộ cây cối trên diện tích 1.609 m² nêu trên.

+ Ông Trần Minh H có trách nhiệm thanh toán cho bà Bùi Thị H2 206 cây keo trị giá bằng 1.648.000đ và thanh toán cho bà H2 ½ (1609 m² = 12.872.000 đồng) = 6.436.000 đồng. Tổng cộng là 8.084.000 đồng.

+ Về chi phí đo đạc: Bà H2 phải trả lại cho ông H 6.171.600 đồng.

- Ông H phải chịu 6.000.000 đồng. (Xác nhận ông H đã chi phí đo đạc 12.171.600 đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 12/12/2019, bà Bùi Thị H2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo hướng đề nghị hủy toàn bộ

bản án dân sự sơ thẩm số 45 ngày 28-11-2019 của TAND tỉnh Phú Thọ để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Bùi Thị H2 trình bày: Đối với diện tích đất đang tranh chấp thì bà sử dụng từ năm 1980, sử dụng ổn định, liên tục, công khai, nên đất tranh chấp là đất của bà. Ông H không có chứng cứ gì để chứng minh về quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp này. Theo bà thì ông H chỉ được chính quyền địa phương giao cây cọ, còn đất là của bà tôi sử dụng từ năm 1980 nên đất là của bà. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H để trả lại cho bà được quản lý sử dụng.

Ông H trình bày: Diện tích đất tranh chấp thì ông đã được chính quyền địa phương giao cho để chăm sóc và thu hoạch lá cọ nên đất tranh chấp là của ông. Bà H2 không có chứng cứ chứng minh là bà có quyền sử dụng đất tranh chấp, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đất tranh chấp của ông H là đúng. Ông H đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H2, bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ để giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Anh Linh trình bày: Tôi đồng ý với quan điểm của ông H là bà H2 không có căn cứ gì để chứng minh bà có quyền sử dụng đất tranh chấp, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H2 và bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ để giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm của tòa án tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là hợp lệ và trong thời hạn luật định nên vụ án cần thiết phải xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

* Xét kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Phú Thọ thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ đối với diện tích đất xảy ra tranh chấp như: Ông H chỉ được giao quản lý cây cọ hay được giao cả phần đất khu vực có cây cọ. Các cơ quan chuyên môn thì đang có nhiều ý kiến giải quyết khác nhau, mâu thuẫn nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ để làm rõ các mâu thuẫn này. Diện tích đất đang tranh chấp thì chưa có bản đồ, bà H2 thì đang trồng keo trên đất đang tranh chấp, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chưa làm rõ xem Ủy ban nhân dân xã Bằng L đã thực hiện việc tiếp tục giao khoán cây cọ cho ông H như

thể nào. Thực tế thì ông H đã được Hợp tác xã giao cây cọ từ năm 1987, còn bà H2 thì trồng cây keo, cây chè phía dưới lá cọ, về sơ đồ thửa đất mà các bên cung cấp thì còn có sự mâu thuẫn nhưng chưa được làm rõ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Phú Thọ để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, đảm bảo vụ án được giải quyết khách quan, toàn diện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Mặc dù, tại phần nhận định của bản án (trang 4) thể hiện: Đối với diện tích đất 1609 m² tại khu vực Hồ A – Núi Ô đang xảy ra tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trần Minh H với bị đơn bà Bùi Thị H2 thì cả hai hộ gia đình là nguyên đơn và bị đơn đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án thì Ủy ban nhân dân xã Bằng L trình bày: ông Trần Minh H sử dụng đất lâm nghiệp và cây cọ từ năm 1979 đến nay, khi Hợp tác xã nông nghiệp Bằng L giải thể năm 1989 thì đến năm 2000 Ủy ban nhân dân xã Bằng L đã giao cho ông H quản lý sử dụng. Tuy nhiên UBND xã Bằng L lại không lưu giữ được bất kỳ tài liệu giấy tờ gì về việc giao đất cho ông Hoạt. Đối với Sổ thuê nông nghiệp của gia đình ông Trần Minh H do ông H cung cấp thì tuy trong sổ có thể hiện hằng năm ông có đóng thuế đất trồng cây lâu năm là cây cọ đối với diện tích đất 9820m², nhưng lại không thể hiện diện tích đất này ở tờ bản đồ nào, của thửa đất nào.

Đối với Ủy ban nhân dân huyện Đoan H1 trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường của huyện thì thấy diện tích đất đang tranh chấp 1609 m² giữa bà Bùi Thị H2 với ông Trần Minh H thì trước đây do HTX Bằng L quản lý, đến năm 1989 HTX giải thể thì UBND xã Bằng L tiếp quản để quản lý; do đó, Phòng Tài nguyên không có tài liệu, giấy tờ gì có liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp giữa ông H và bà H2.

Các cán bộ của HTX Bằng L ở thời điểm từ năm 1976-1989, như: ông Phạm Văn T4, ông Nguyễn Văn T5 (nguyên là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm của HTX) trình bày: HTX chỉ giao gốc cọ cho xã viên, mà không giao đất, thuế hằng năm phải trả chỉ là khoảng 05 tàu lá cọ và trên thực tế có khi HTX chỉ giao gốc cọ cho người này, nhưng người khác lại được phép trồng cây cối để thu hoạch phía dưới gốc cọ (BL36-38); còn ông Đặng Quang T6 là người thu thuế của HTX trình bày: Việc giao gốc cọ chỉ phải trả sản phẩm là tàu lá cọ/cây/năm và đối với diện tích đất 9820m² như ông H trình bày thì lại không ghi cụ thể số ô thửa mà chỉ ghi lại đất cọ và cũng không có biên bản bàn giao diện tích đất này cho ông Hoạt.

Xét về chứng cứ để xác định về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp thì thấy UBND hai cấp xã và huyện đều thừa nhận không có tài liệu giấy tờ gì để

chứng minh là đã giao diện tích đất đỏ cho ông Hoạt; còn các cán bộ là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm HTX và người thu thuế của HTX thời điểm đó (1976-1989) đã trình bày: HTX giao cây cọ cho xã viên chỉ là giao gốc cọ mà không giao đất cho cả khu vực xung quanh cây cọ, vì không có thẩm quyền, HTX là do Nhà nước quản lý. Thuế hàng năm chỉ phải trả khoảng 05 tàu lá cọ và trên thực tế ở địa phương có khi HTX giao gốc cọ cho người này, còn người khác thì lại được giao trồng cây cối khác xung quanh gốc cọ; ông Đặng Quang T6 còn trình bày: việc giao gốc cọ chỉ phải trả sản phẩm là tàu lá cọ/cây/năm và đối với diện tích 9820m² như ông H nêu ra thì lại không ghi cụ thể ở trong thửa nào, mà chỉ ghi loại đất cọ và cũng không tiến hành việc bàn giao đất, nên không có biên bản bàn giao đất của HTX hay của UBND xã; còn đối với bà Bùi Thị H2 thì trình bày: Năm 1980 gia đình bà đã phát quang cây cối um tùm ở khu đất đang trang chấp để trồng cây chè, cây sắn (các gốc cọ giữ nguyên). Đến năm 1987, HTX có chủ trương giao khoán gốc lá cọ cho xã viên, trong đó hộ gia đình ông H được giao khoán 28 gốc cọ nằm trong phần diện tích bà đang canh tác, chỉ đến khi bà phá cây chè để trồng cây keo (năm 2015) thì mới bị ông H khiếu kiện; bà H2 còn trình bày là gia đình bà cũng được HTX giao khoán gốc cọ tại khu đất ở thôn 17 và bà là người thu hoạch lá cọ, còn người khác được sử dụng đất xung quanh khu vực cây cọ một cách bình thường. Còn đối với ông Trần Minh H thể hiện: ông chỉ xuất trình được chứng cứ để chứng minh đó là “Sổ thuế nông nghiệp gia đình” nhưng chỉ là bản phô tô (không có bản gốc) lại không có công chứng, chứng thực và quyền sở này do Tổng cục thuế - Bộ Tài chính phát hành mà không phải là bộ quản lý về đất đai phát hành và quyền sở này cũng chỉ mang tính chất ghi nhận, là ông H có nộp thuế từ năm 2000 đến 2004, chứ không phải là tài liệu, giấy tờ có giá trị chứng minh về nguồn gốc đất.

Như vậy, với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì chưa có đủ căn cứ để xác định diện tích đất 1609m² đang xảy ra tranh chấp là của ông Trần Minh H được, mà cần thiết phải tiếp tục thu thập thêm chứng cứ như lập luận đánh giá tại Bản án dân sự phúc thẩm số 72/2007/DS-PT ngày 01-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, cụ thể là: Tiến hành lấy lời khai của các hộ giáp ranh với diện tích đang xảy ra tranh chấp giữa bà H2 với ông Hoạt; Xác minh làm rõ có việc người này được giao quản lý cây cọ còn người khác thì được trồng cây khác ở phía dưới đất xung quanh không; Có việc hộ gia đình bà H2 cũng được giao cây cọ và bà H2 chỉ quản lý khai thác cây cọ, còn đất xung quanh cây cọ thì người khác vẫn có quyền trồng cây khác để thu hoạch không và xác minh làm rõ lý do vì sao mấy chục năm trước ông H không tranh chấp với bà H2 mà mãi đến năm 2015 mới xảy ra tranh chấp. Ngoài ra, cũng cần phải tiến hành giám định lại tuổi của các loại cây bà H2 trồng để đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Việc tòa án cấp sơ thẩm sử dụng tài liệu định giá đã có từ lâu để giải quyết là không chính xác, không đảm bảo quyền lợi của đương sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị H2 và nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa để xử hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số

45/2019/DS-PT ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để giao hồ sơ về cho TAND tỉnh Phú Thọ giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Do vụ án bị hủy để giải quyết lại nên chưa giải quyết về phần án phí.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị H2 và nội dung kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Phú Thọ: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của TAND tỉnh Phú Thọ, giao hồ sơ vụ án cho TAND tỉnh Phú Thọ để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hùng